

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11 đến 14 tuổi. - Bản chính học bạ tiểu học có xác nhận đã hoàn thành chương trình tiểu học. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ. Các giấy tờ ưu tiên (nếu có). - Cư trú trên địa bàn xã hoặc khu vực giáp ranh 	<ul style="list-style-type: none"> - Học xong lớp 6 được lên lớp 7. - Đúng độ tuổi. - Đủ hồ sơ lớp 6. - Cư trú trên địa bàn thị xã hoặc khu vực giáp ranh - Có giới thiệu chuyển trường (nếu chuyển đến) 	<ul style="list-style-type: none"> - Học xong lớp 7 được lên lớp 8. - Đúng độ tuổi. - Đủ hồ sơ lớp 7. - Cư trú trên địa bàn thị xã hoặc khu vực giáp ranh - Có giới thiệu chuyển trường (nếu chuyển đến) 	<ul style="list-style-type: none"> - Học xong lớp 8 được lên lớp 9. - Đúng độ tuổi. - Đủ hồ sơ lớp 8. - Cư trú trên địa bàn thị xã hoặc khu vực giáp ranh - Có giới thiệu chuyển trường (nếu chuyển đến)
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các chương trình chi đạo của Sở GD&ĐT Điện Biên, Phòng GD&ĐT Mường Chà.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Gia đình phối hợp quản lý giáo dục ngoài giờ lên lớp, việc học tập tại nhà, nề nếp học tập của học sinh, tham gia hội họp định kỳ đầy đủ; tạo điều kiện cho HS sinh hoạt ngoại khóa, tuyên truyền cổ động. - Có trách nhiệm đóng góp theo quy định .. - Có trách nhiệm đóng góp xây dựng trường lớp học theo quy định của UBND xã , xây dựng và thực hiện các quy định của Ban đại diện cha mẹ học sinh để phối hợp nâng cao chất lượng giáo dục. - Gia đình có trách nhiệm chuẩn bị góc học tập ở nhà, có đủ học cụ, có đồng phục cho học sinh; - Người học phải thực hiện đầy đủ các quy định trong quy chế 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư 22, 26 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Học sinh phải tham gia học tập đầy đủ, nghỉ học phải có lý do chính đáng và có giấy xin phép gửi giáo viên chủ nhiệm. 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có các hoạt động sinh hoạt, cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu, chương trình đào tạo, nội quy trường lớp, học sinh, quy định đánh giá, xếp loại, điều kiện tốt nghiệp, dự thi tuyển sinh THCS, THPT và các văn bản có liên quan khác. Tổ chức sinh hoạt chính trị tư tưởng để học sinh hiểu rõ tình hình địa phương, chủ trương, chính sách, pháp luật, các quy định của trường, các thông tin liên quan đến tình hình của trường. 2. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao cho học 			

		<p>sinh: Tổ chức Hội diễn văn nghệ, thi đấu thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, các trò chơi dân gian và các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ: 20/10, 20/11, 22/12, 3/2, 26/3, 30/4 và 1/5, 1/6; tham gia các cuộc thi trí tuệ, cờ vua, cầu lông, đá cầu, nhảy cao, nhảy xa... Tổ chức tọa đàm về kỹ năng sống, văn hoá ứng xử, nâng cao nhận thức về các bệnh lây truyền như HIV/AIDS, tác hại ma tuý và sức khỏe sinh sản vị thành niên...</p> <p>3. Phối hợp xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến học sinh.</p> <p>4. Xây dựng hệ thống thông tin thông báo kịp thời các văn bản, công văn mới; duy trì có hiệu quả sinh hoạt lớp, Liên đội, chi đội...</p> <p>5. Thực hiện các chế độ chính sách cho người học, đặc biệt là học sinh hoàn cảnh khó khăn, con em các dân tộc thiểu số, học sinh gia đình chính sách.</p> <p>6. Theo dõi, đề xuất khen thưởng và kỷ luật chính xác, kịp thời.</p> <p>7. Cùng cố, xây dựng và khai thác sử dụng sân bãi thể dục thể thao, tăng cường rèn luyện thể lực cho học sinh.</p> <p>8. Tăng cường số lượng đầu sách, chủng loại tài liệu, tạo thuận lợi cho học sinh khi tiếp cận, học tập tại thư viện.</p> <p>9. Trường tổ chức dạy học phụ đạo, bồi dưỡng học sinh, sinh hoạt ngoại khóa vào các buổi chiều trong tuần (trừ buổi chiều thứ 5).</p> <p>10. Phối hợp với các đơn vị, trường học tổ chức giao lưu, sinh hoạt văn nghệ, thể thao, phát triển năng khiếu, tuyên truyền cổ động.</p>			
V	Kết quả năng lực phẩm chất học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>Hạnh kiểm:6 Tốt: 63,0% Khá: 32,6% Đạt: 4,4%</p> <p>Học lực: Tốt: 22,2% Khá: 14,1% Đạt : 79,3% CĐ: 4,4%</p> <p>Sức khỏe: Tốt: 80% Khá: 15% TB: 5%</p>	<p>Hạnh kiểm:7 Tốt: 60,9% Khá: 32,0% Đạt: 7,0%</p> <p>Học lực: Tốt: 1,6% Khá: 12,5% Đạt : 84,4% CĐ: 1,5%</p> <p>Sức khỏe: Tốt: 80% Khá: 15% TB: 5%</p>	<p>Hạnh kiểm:8 Tốt: 55,1% Khá: 37,4% TB: 7,5%</p> <p>Học lực: Tốt: 1,9% Khá: 24,3% TB : 70,1% Y: 3,75%</p> <p>Sức khỏe: Tốt: 80% Khá: 15% TB: 5%</p>	<p>Hạnh kiểm:9 Tốt: 61,6% Khá: 31,8% TB: 6,3%</p> <p>Học lực: Giỏi: 1,8% Khá: 21,8% TB: 76,4%</p> <p>Sức khỏe: Tốt: 80% Khá: 20% TB: 0%</p>
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - 98 % trở lên được lên lớp. - Có khả năng phát triển năng khiếu bộ môn - Có thể được bồi dưỡng trong đội tuyển học sinh giỏi theo bộ môn - Được học tập tin học. 	<ul style="list-style-type: none"> - 98% trở lên được lên lớp. - Có khả năng phát triển năng khiếu bộ môn. - Có thể được bồi dưỡng trong đội tuyển học sinh giỏi theo bộ môn - Được học tập tin học. 	<ul style="list-style-type: none"> - 98% trở lên được lên lớp. - Có khả năng phát triển năng khiếu bộ môn. - Có thể được bồi dưỡng trong đội tuyển học sinh giỏi theo bộ môn - Được học tập tin học. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% TN THCS. - Có khả năng phát triển năng khiếu bộ môn. - Có thể được bồi dưỡng trong đội tuyển học sinh giỏi theo bộ môn - 2% HS giỏi cấp huyện; - 50% trở lên được tuyển sinh vào lớp 10. - 20% học nghề

Sá Tổng ngày 15 tháng 9 năm 2022



Hoàng Đình Lượng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	480	135	128	107	110
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	290	85	78	59	68
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	160	44	41	40	35
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	30	6	9	8	7
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	401	118	112	93	78
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	37	10	8	7	12
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	136	31	38	30	37
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	206	70	59	48	29
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	22	7	7	8	0



5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	480	135	128	107	110
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	9	3	2	2	2
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	85	19	16	26	24
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	12	6	2	4	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	C. đi 1	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	1	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	2				2
2	Cấp tỉnh/thành phố	0				0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	110 100%				110
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	110				110

PHÒNG GD&ĐT MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SÁ TỎNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Sá Tỏng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	8	75,8
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	8	-
2	Phòng học bán kiên cố	4	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	12/12	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	5200	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2216	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	352	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	00	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp



	(Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	2,8	
1.1	Khối lớp 6	0,7	
1.2	Khối lớp.7	0,7	
1.3	Khối lớp 8	0,7	
1.4	Khối lớp 9	0,7	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	21,2	
2.1	Khối lớp 6	0,3	
2.2	Khối lớp.7	0,3	
2.3	Khối lớp 8	0,3	
2.4	Khối lớp 9	0,3	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	0	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	4/12
5	Thiết bị khác...	1	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	

5	Thiết bị khác...	0	
---	------------------	---	--

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	30
XI	Nhà ăn	250

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	12 phòng (288m ²)	285	1,01
XIII	Khu nội trú	2632m ²	285	9,2

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1		0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1		1		0,1

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT, Trường PT có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây		x

Sá Tổng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Đình Lâm

PHÒNG GD&ĐT MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SÁ TÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Sá Tùng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở năm học 2023 - 2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng g III	Hạng g II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, GV, NV	33	0	0	24	4	1	2	4	20	0	23	8	0	0
I	Giáo:	24	0	0	22	2	0	0	6	18	0	17	7	0	0
1	Toán	4			4				1	3		1	3		
2	Lý	1			1					1			1		
3	Hóa	2			2					1	1		2		
4	Sinh	1			1					1		1			
5	Văn	4			4					4		1	3		
6	Sử	1			1					1			1		
7	Địa	2			2					2		1	1		
8	Tiếng Anh	2			2				1	1		1	1		
9	Thể dục	2			2					2		2			
10	Tin	2			2				2				3		
11	Âm nhạc	1			1					1			1		
12	Mĩ thuật	1			1							1			
13	GDCD	0													
II	Cán bộ quản lý	5			5					3	2	2	3		
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1		
2	Phó hiệu	4			4					2	2	1			



	trường																		
III	Nhân viên	8				5	2												
1	Nhân viên văn thư	1			1														1
2	Nhân viên kế toán	1			1														1
3	Thủ quỹ	0																	
4	Nhân viên y tế	1				1													1
5	Nhân viên thư viện	2			1														1
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1														1
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																	
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0																
9	Bảo vệ	2																	2

Sá Tổng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Đình Cường